

Số: 315 /KH-NGT

Tân Bình, ngày 20 tháng 10 năm 2022

**KẾ HOẠCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2022 – 2023**

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT về Sửa đổi và bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông Ban hành kèm theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT Thông tư quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn quận Tân Bình;

Căn cứ Kế hoạch số 863/KH-PGDĐT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình về thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục hệ thống giáo dục công lập trên địa bàn quận Tân Bình giai đoạn 2022 – 2025.

Căn cứ Kế hoạch số 1093/KH-PGDĐT-THCS ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình về kế hoạch hoạt động chuyên môn cấp trung học cơ sở năm học 2022 – 2023;

Căn cứ theo Kế hoạch giáo dục 2022 – 2023 của Hiệu trưởng nhà trường, trường THCS Nguyễn Gia Thiều xây dựng Kế hoạch kiểm tra giữa học kỳ I năm học 2022-2023 như sau:

I. VỀ VẤN ĐỀ CHUNG:

1/ Nội dung kiến thức:

Căn cứ vào tình hình giảng dạy thực tế tại trường, có sự thống nhất của tổ, nhóm chuyên môn theo quy định (từ tuần 1 đến tuần 8 của chương trình học kỳ 1).

2/ Thời gian kiểm tra giữa học kỳ I:

Từ ngày 31/10/2022 đến ngày 11/11/2022.

3/ Thời gian nộp đề kiểm tra, duyệt và in đề:

Nộp đề file Word đã thống nhất: Ngày 27/10/2022 (nộp qua mail cho PHT phụ trách).

Hội đồng duyệt đề kiểm tra giữa HKI duyệt đề thi ngày 28/10/2022.

4. Thời gian làm bài các môn

- Toán, Ngữ văn: 90 phút.

- Tiếng Anh: 60 phút.
- Khoa học tự nhiên 6,7: 60 phút.
- Lịch sử và Địa lí 6,7: 60 phút.
- Các môn còn lại: 45 phút.

5/ Địa điểm và hình thức kiểm tra:

Học sinh làm bài trực tiếp tại lớp theo lịch kiểm tra chung của nhà trường.

6/ Coi kiểm tra, chấm bài:

Giáo viên coi kiểm tra (Theo danh sách đính kèm), có mặt tại phòng thư viện trước giờ làm bài 30 phút. Sau khi kiểm tra dạy và học bình thường theo TKB.

Sau mỗi buổi kiểm tra, giáo viên bộ môn phải họp thống nhất hướng dẫn chấm, và lưu lại biên bản kèm thang điểm trong sổ họp tổ, nhóm.

Giáo viên nhận bài kiểm tra để thực hiện chấm ngay sau mỗi buổi kiểm tra của bộ môn và hoàn tất chấm bài sau khi kiểm tra 01 tuần.

II. LỊCH KIỂM TRA CÁC KHỐI: (đính kèm)

**Lưu ý: Môn Tin học, Âm nhạc, Thể dục, Mỹ Thuật, Công nghệ, GDCD, HDTN kiểm tra theo TKB từ 07/11->11/11/2022 (kế hoạch cụ thể của giáo viên bộ môn).*

Nơi nhận:

- HDT;
- CB, GV, NV;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Đắc



LỊCH KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1
NĂM HỌC: 2022-2023

Ngày kiểm tra	Buổi	Khối	Môn	Thời gian làm bài	Giờ bắt đầu làm bài	Hết giờ làm bài
Thứ hai 31/10/2022	Sáng	6,7,8,9	Ngữ văn	90 phút	7h30'	9h00'
Thứ ba 01/11/2022	Sáng	6,7,8,9	Toán	90 phút	7h30'	9h00'
Thứ tư 02/11/2022	Sáng	6,7	KHTN	60 phút	7h30'	8h30'
	Sáng	8,9	Sinh	45 phút	7h30'	8h15'
	Chiều	8,9	Hóa	45 phút	13h15'	14h00'
Thứ năm 03/11/2022	Sáng	6,7	LS-ĐL	60 phút	7h30'	8h30'
	Sáng	8,9	Lịch sử	45 phút	7h30'	8h15'
	Chiều	8,9	Vật lí	45 phút	13h15'	14h00'
Thứ sáu 04/11/2022	Sáng	6,7,8,9	Anh văn	60 phút	7h30'	8h30'
	Chiều	8,9	Địa lí	45 phút	13h15'	14h00'



DANH SÁCH GIÁO VIÊN COI KIỂM TRA GIỮA HK1
NĂM HỌC 2022-2023

STT	HAI 31/10/2022	BA 01/11/2022	TU 02/11/2022		NĂM 03/11/2022		SÁU 04/11/2022	
	SÁNG	SÁNG	SÁNG	CHIỀU	SÁNG	CHIỀU	SÁNG	CHIỀU
1	GVCN	Cẩm V	Thùy A	Thùy A	GVCN	Duyên V	Nhung V	Huyền V
2	GVCN	K.Phượng V	Oanh A	Phúc A	GVCN	Tâm V	K Phượng	Song V
3	GVCN	Duyên V	Liên A	Lành A	GVCN	Anh V	Mai - Địa	Hà T
4	GVCN	Huyền V	Huyền A	Thủy A	GVCN	Phúc A	Tâm V	Hoa Phượng
5	GVCN	H.Phượng V	Lành A	Tâm A	GVCN	Thủy A	H.Phượng V	K Anh
6	GVCN	Anh V	Việt Hà A	Thu Hà A	GVCN	Tâm A	Anh V	Thùy T
7	GVCN	Song V	Thủy A	Phúc T	GVCN	Thu Hà A	Song V	Ngân T
8	GVCN	Hương V	Tâm A	Khôi T	GVCN	Thùy T	Hương V	Thơm Tin
9	GVCN	Thùy A	Thu Hà A	Trần CN	GVCN	Khôi T	Phong	My CN
10	GVCN	Oanh A	Hà T	Nhuận S	GVCN	Phượng T	Chung	Thảo L
11	GVCN	Liên A	Phong T	Phượng S	GVCN	Ngọc Tin	Nghi	Đông
12	GVCN	Huyen A	Chung T	Nhung S	GVCN	Thảo L	Phúc - Toán	Thoa
13	GVCN	Phúc A	Thùy T	Dũng Đ	GVCN	Đông L	Linh - Toán	Tuyên
14	GVCN	Lành A	Ngân T	Thủy Đ	GVCN	Thoa H	Võ	Dũng
15	GVCN	Thủy A	Nghi T	Việt TD	GVCN	Nhuận S	Lưu	Ranl
16	GVCN	Việt Hà A	Phúc T	Phuong TD	GVCN	Phượng S	Huynh	Nguyễn
17	GVCN	Tâm A	Linh T	Trâm MT	GVCN	Thủy Đ	Thương	Huyền sinh
18	GVCN	Thu Hà A	Khôi T	Nguyễn	GVCN	Phuong TD	Ngọc	Thương
19	GVCN	Hà T	Võ T	Huyền Si	GVCN	Trâm MT	Trâm	Tri

20	GVCN	Thùy T	Thuong Tin	Tri	GVCN	Huyền Si	Hà CD	Chánh
21	GVCN	Ngân T	Ngọc Tin		GVCN		Uyên	
22	GVCN	Thuong Tin	Long CD		GVCN		Hưng	
23	GVCN	Hà CD	Hà CD		GVCN		My	
24	GVCN	Trần CN	An CD		GVCN		Khánh	
25	GVCN	My CN	Trần CN		GVCN		Đào	
26	GVCN	Khánh CN	My CN		GVCN		Nguyệt	
27	GVCN	Luyến L	Khánh CN		GVCN		Thảo	
28	GVCN	Thoa H	Nhuận S		GVCN		Thoa H	
29	GVCN	Tuyên H	Phượng S		GVCN		Tuyên	
30	GVCN	Phát H	Nhung S		GVCN		Phát	
31	GVCN	Ranl Si	Dũng Đ		GVCN		Phượng Sử	
32	GVCN	Trang Si	Thủy Đ		GVCN		Nhung sử	
33	GVCN	Linh Si	Trung TD		GVCN		Dũng	
34	GVCN	Trung	Việt TD		GVCN		Thủy - Địa	
35	GVCN	Việt	Trí TD		GVCN		Liên - Sinh	
36	GVCN	Trí	Phượng TD		GVCN		Ranl	
37	GVCN	Hưng	Hưng TD		GVCN		Trang	
38	GVCN	Trâm	Hỷ N		GVCN		Linh - sinh	
39	GVCN	Nguyễn	Chánh N		GVCN		Trung	
40	GVCN	Vân - Địa	Uyên MT		GVCN		Việt	
41	Chánh	Nhuận	Trâm MT		Chánh		Phượng	
42	Nguyễn	Phượng	Huyền Si		Nguyễn		Duyên	